

Vô ngã như một tiến trình phá chấp ngã trong Kinh Ba-lê (Pātika Sutta - DN24)

ISSN: 2734-9195

14:36 18/08/2026

Kinh Ba-lê để lại thông điệp triết học và thực hành sâu sắc là giá trị giải thoát chân thật không nằm ở việc sở hữu năng lực siêu nhiên hay kiến thức uyên bác, mà nằm ở tuệ giác soi chiếu tính vô ngã.

Tóm tắt

Bài viết nhằm làm rõ cách đức Phật sử dụng lập luận trong Kinh Ba-lê (Pātika Sutta, DN24) để nhận diện và phá chấp các hình thức chấp ngã. **Nghiên cứu** chỉ ra rằng giáo lý vô ngã trong kinh được thể hiện gián tiếp thông qua việc tháo gỡ các hình thức chấp thủ liên quan đến thần thông, kiến giải khởi nguyên thế giới, ngã mạn và tăng thượng mạn, thay vì qua một định nghĩa trực tiếp.

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích văn bản và diễn giải triết học trên nền tảng kinh điển Pāli qua những lời dạy của đức Phật. Từ đó, cho thấy giá trị của chính pháp trong DN24 không nằm ở việc khẳng định hay củng cố một bản ngã, mà ở khả năng đoạn trừ tham, sân, si và đưa đến sự chấm dứt khổ đau.

Từ khóa: Kinh Ba-lê, Pātika Sutta - DN24, vô ngã, thần thông, khởi nguyên thế giới, ngã mạn, tăng thượng mạn.

I. Dẫn nhập

Trong **Kinh Ba-lê (Pātika Sutta - DN24)**, đức Phật đã không đáp ứng yêu cầu của Sunakkhatta về thần thông hay kiến giải khởi nguyên thế giới. Thay vào đó, đức Phật sử dụng những lời chỉ dạy và lập luận để tháo gỡ các hình thức chấp thủ của Sunakkhatta và các nhân vật liên quan. Những lập luận này có thể được khảo sát dưới ánh sáng của giáo lý vô ngã.



Kinh Ba-lê (Pātika Sutta - DN24). Hình minh họa: Internet

Điểm nổi bật của DN24 là tiến trình giáo huấn: Từ sự ham muốn thần thông đến chấp vào tri thức siêu hình, rồi ngã mạn so sánh, tự cao và cuối cùng là tăng thượng mạn xem cái tôi là bản thể không biến đổi. Mỗi loại chấp ngã đều được đức Phật phá vỡ bằng lý luận sâu sắc, để khẳng định rằng: **Chính pháp chỉ nhằm đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, không có cái “tôi” cố định để bám víu.**

Như vậy, Kinh Ba-lê (DN24) phản ánh lộ trình giáo hóa mạch lạc, nơi đức Phật từng bước bóc tách các tầng lớp chấp thủ nhằm khẳng định chân lý vô ngã. Việc nhận diện và chuyển hóa các hình thức bám chấp này là tiền đề thiết yếu để đưa tâm rời xa chấp thủ và hướng thẳng đến mục tiêu giải thoát chân thực.

II. Nội dung

1. Các khái niệm liên quan

Khái niệm về vô ngã

Từ điển Phật học: Vô ngã được giới thiệu như sau: “vô ngã □ □ ; S: *anātman*; P: *anattā*; Một trong, Ba tính chất (*s: trilakṣaṇa*) của sự vật. Quan điểm vô ngã là một giáo pháp cơ bản của đạo Phật, cho rằng, không có một Ngã (*ātman*), một cái gì trường tồn, bất biến, nhất quán, tồn tại độc lập nằm trong sự vật” [2].

Giáo lý vô ngã đóng vai trò quan trọng trong Phật giáo, chỉ trạng thái không có bản ngã hay linh hồn bất biến hay không phải tôi, không phải của tôi và không phải tự ngã của tôi. Mọi hiện tượng vật chất và tinh thần chỉ là sự kết hợp tạm thời của các yếu tố duyên sinh, luôn biến đổi, chứ không tồn tại độc lập.

Khái niệm về chấp ngã

Từ điển Phật học: Chấp ngã được định nghĩa “*Lagna-atman (skt): Bám chặt vào cái Ta. Trong Tứ Diệu Đế, Phật dạy rằng chấp ngã là nguyên nhân căn bản của khổ đau...*” [3].

Theo quan điểm Phật giáo khẳng định không tồn tại một bản ngã cố định, mọi hiện tượng đều tồn tại trong mối quan hệ duyên khởi. Vì vậy, việc buông bỏ bám chấp vào cái tôi và quán chiếu bằng tuệ giác vô ngã có ý nghĩa quan trọng trong quá trình chuyển hóa khổ đau và đạt đến sự an lạc.

Khái niệm về tăng thượng mạn

Từ điển Phật học online: Tăng thượng mạn là “(1). Quá tự cao; cực kì kiêu ngạo, quá ngạo mạn (s: *adhimāna*); (2). Tuyên bố dối trá rằng mình đã chứng được chân lí tối hậu và có thần thông; (3). Tự cho rằng mình có đức hạnh lớn trong khi thực không có”[4].

Đây là một dạng trong nhóm **thất mạn** (7 loại kiêu mạn), là chướng ngại lớn trên con đường tu tập chân chính vì sự kiêu ngạo che mờ sự thật và khiến con người dừng lại sự cầu tiến.

Từ các khái niệm trên có thể thấy rằng: Trong hệ thống kinh điển Phật giáo, vô ngã là giáo lý tối thượng cần được nhận thức và thực hành. Bên cạnh đó, chấp ngã hay tăng thượng mạn không chỉ là các thuật ngữ lý luận, mà còn biểu hiện trong nhận thức và hành vi của đời sống cá nhân, việc tiết chế cái tôi và giảm bớt tự cao, kiêu mạn là điều cần thiết để cùng nhau kiến tạo một xã hội và tập thể tốt đẹp hơn.

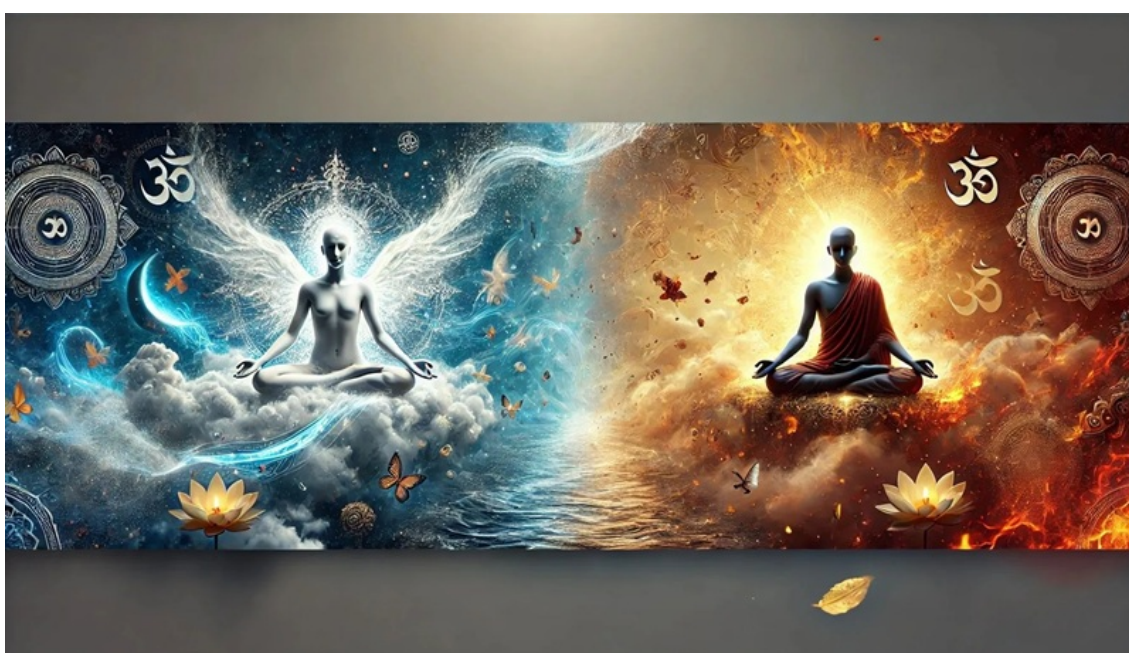
2. Vô ngã như một tiến trình phá chấp ngã trong Kinh Ba-lê (Pātika Sutta-DN24)

Trong phần nội dung, bài viết tiến hành khảo sát tiến trình phá chấp trong Kinh Ba-lê qua bốn phương diện như **Thần thông**, kiến giải khởi nguyên thế giới, **ngã mạn và tăng thượng mạn**. Bốn phương diện trên không được xem là

một hệ thống phân loại trực tiếp do Kinh Ba-lê thiết lập, mà là cách tiếp cận của bài viết nhằm làm rõ tiến trình phá chấp qua các biểu hiện khác nhau trong bài kinh.

2.1 Phá chấp thần thông

Một trong những biểu hiện của tâm chấp thủ là mong cầu, sở hữu các năng lực siêu nhiên và xem đó là đích đến của quá trình tu học. Đức Phật khẳng định đây bản chất là tâm tham ái. Mục đích cốt lõi của chính pháp không phải để thỏa mãn dục vọng cá nhân, mà là hướng đến sự chuyển hóa và tận diệt khổ đau. Điều này đã được Ngài dạy trong kinh: *“Này Sunakkhatta, các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chính pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau”*[5].



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Đoạn kinh trên cho thấy thần thông không thể đoạn diệt khổ đau. Bởi vì, thần thông hay các hình thức khổ hạnh dị biệt đều do duyên sinh, vô thường và chịu sự chi phối của quy luật nghiệp báo. Cái chết của đạo sĩ Korakkhattiya sau khi bội thực cho thấy năng lực thần thông không đồng nghĩa với khả năng vượt thoát sinh tử. Qua đó, Sunakkhatta nhận ra giới hạn của thần thông trên con đường giải thoát.

Thái độ của Sunakkhatta đối với Korakkhattiya phản ánh tâm lý lấy hiện tượng kỳ dị làm thước đo giá trị bản ngã. Sự hiện diện của thần thông không đồng nghĩa với chứng ngộ. Giá trị giải thoát chân thực không nằm ở việc sở hữu năng lực kỳ diệu, mà nằm ở tuệ giác soi chiếu tính vô ngã, đoạn trừ tận gốc tham, sân, si để dập tắt khổ đau.

Ví dụ trong kinh: Đạo sĩ Korakkhattiya thực hành hạnh con chó và được Sunakkhatta tôn sùng như bậc Thánh vì các biểu hiện kỳ dị, nhưng khi vị này chết vì bội thực và xác chết vẫn phải tự nhận nghiệp báo, ảo tưởng về năng lực siêu nhiên hoàn toàn sụp đổ.

Ứng dụng vào đời sống, người tu học nếu chỉ mê mẩn chạy theo các hiện tượng huyền bí hay tìm kiếm năng lực đặc biệt thì khi gặp biến cố phiền não, những điều đó hoàn toàn không thể giúp họ dập tắt tham, sân, si trong tâm.

Tóm lại, thông qua việc phủ định vai trò cốt lõi của thần thông, đức Phật khẳng định tuệ giác vô ngã chính là nền tảng trong việc tháo gỡ tâm bám chấp. Việc rời xa những tham ái về năng lực siêu nhiên để quay về thực hành dập tắt tham, sân, si mới là con đường đích thực dẫn đến sự giải thoát khỏi khổ đau.

2.2 Phá chấp kiến giải khởi nguyên thế giới

Việc bám chấp vào quan điểm, tri thức, hoặc kiến giải khởi nguyên thế giới, xem đó là nền tảng kiến tạo nên bản ngã. Đức Phật chỉ rõ rằng việc truy tìm hay giải thích khởi nguyên thế giới không đưa đến con đường giải thoát. Như lời Phật dạy trong kinh: *“Này Sunakkhatta, khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chính pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau”*[6].

Kinh văn cho thấy việc truy tìm và tranh luận về khởi nguyên thế giới, nếu không gắn với tiến trình đoạn tận khổ đau, không phải là điều kiện thiết yếu của con đường giải thoát. Khi bám víu vào kiến giải khởi nguyên thế giới, thì vẫn còn khổ đau. Cho nên, chấp thủ ấy có thể xem là biểu hiện của vô minh.

Bên cạnh đó, nhận thức vô ngã giúp thấy rõ các quan niệm triết học đều do duyên sinh, vô thường, không phải là tôi, của tôi, tự ngã của tôi từ đó buông bỏ chấp thủ để hướng thẳng vào công phu diệt khổ.

Ví dụ trong kinh: Sunakkhatta liên tục đòi hỏi đức Phật giải thích nguồn gốc vũ trụ và xem đó là tri thức tối thượng, nhưng đức Phật cho rằng việc truy tìm khởi nguyên thế giới thực chất chỉ là sản phẩm của tri giác hạn hẹp và không giúp dập tắt nổi khổ hiện tại.

Chẳng hạn, một phật tử đi nghe pháp, sau đó về tranh luận với bạn đạo rằng “cách tu của tôi đúng, cách tu của anh chưa phù hợp”. Vì chấp kiến như vậy, tâm vị ấy luôn bất an, dễ nổi sân khi bị phản bác. Nếu hiểu vô ngã, vị ấy thấy rõ các pháp đều duyên sinh, không phải là “tôi” hay “của tôi”. Nhờ vậy tâm không còn dính mắc, không tranh cãi hơn thua vì bản ngã, và quay về thực hành là

đoạn trừ khổ đau.

Tóm lại, kiến giải khởi nguyên thế giới hay tri thức triết học về vũ trụ không thể thay thế cho công phu đoạn diệt khổ đau. Nhận thức vô ngã đòi hỏi người tu học phải tháo gỡ sự bám chấp vào các kiến giải cá nhân, chuyển từ thái độ tranh luận lý thuyết suông sang việc thực hành chuyển hóa nội tâm để đạt đến sự giải thoát chân thực.

2.3 Phá chấp ngã mạn

Tâm ngã mạn còn được nuôi dưỡng qua khuynh hướng liên tục so sánh, nuôi dưỡng lòng tự tôn ích kỷ hoặc hạ thấp người khác. Đức Phật chỉ rõ rằng tâm hơn thua và lòng ganh ghét có thể làm tổn hại đời sống tu tập. Để phá trừ sự bám chấp sai lầm này, kinh điển ghi lại lời khiển trách nghiêm khắc của đức Phật: *“Này kẻ ngu kia, Ta đâu có ganh ghét với một vị A-la-hán. Chính người tự sinh ác, tà kiến ấy, hãy bỏ nó đi! Chớ để tự mình lâu ngày bị khổ đau thiệt hại!”*[7].

Lời dạy của đức Phật qua đoạn kinh trên chỉ rõ rằng, mọi sự so sánh hay ngã mạn đều xuất phát từ việc thiết lập chủ thể so sánh một cách ảo tưởng dẫn đến tà kiến. Khi nhận thức rõ tính vô ngã, người tu học thấy rằng các phẩm chất, địa vị và thành công của cá nhân đều tùy thuộc nhiều điều kiện, không phải là một bản ngã độc lập và bất biến. Nhờ đó, có thể giảm bớt tâm lý hơn thua, hạ thấp người khác hoặc tự tôn, nhờ đó tâm trở nên bình thản và thoát khỏi vòng xoáy ngã mạn.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Ví dụ trong kinh: Sunakkhatta ca ngợi đạo sĩ Kandaramasaka khi vị này sống khổ hạnh khổ khe, nhưng lập tức coi khinh, bĩ báng khi vị này buông thả. Thái độ thay đổi đó cho thấy ông luôn lấy cái nhìn chủ quan của mình làm thước đo để đánh giá người khác.

Hay một phật tử tu học lâu năm, được mọi người quý mến, liền sinh tâm tự mãn. Khi có người mới đến được quý mến hơn, vị ấy liền bất mãn, sinh tâm ganh tỵ. Nếu hiểu vô ngã, vị ấy thấy rõ không có cái tôi hơn người, cũng không có người kém mình. Nhờ vậy tâm không còn dính mắc vào danh vọng và quay về tu học để thoát khỏi khổ đau.

Tóm lại, ngã mạn là rào cản lớn trên hành trình giải thoát. Tuệ giác vô ngã đập tan ảo tưởng về giá trị cá nhân, nhắc nhở người tu học từ bỏ thái độ hơn thua để quay về mục tiêu tối hậu là nuôi dưỡng tâm bình an và tận diệt khổ đau.

2.4 Phá chấp tăng thượng mạn

Khi chấp ngã phát triển đến cực đoan, con người dễ rơi vào trạng thái tăng thượng mạn tự ảo tưởng về năng lực, tri kiến hay vị thế bản thân, xem cái tôi là bản thể bất biến, tối thượng, thậm chí tự xưng ngang hàng hoặc vượt trên cả đức Phật. Đức Phật chỉ rõ đây là một tà kiến nguy hiểm, ngăn cản con đường giải thoát. Ngài đưa ra lời cảnh báo: *“Lõa thể Pāṭikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời* đầu của ông ấy sẽ bị bể tan”*[8]. Qua lời dạy trên, có thể thấy rằng tăng thượng mạn không những khiến con người đánh giá sai lệch về năng lực của bản thân mà còn dẫn đến hành động mù quáng, đi ngược lại con đường giải thoát.

Đức Phật phá chấp tăng thượng mạn bằng cách chỉ ra rằng chính pháp không công nhận một bản ngã cố định hay vượt trên quy luật nhân duyên. Mọi năng lực, danh tiếng đều do nhiều điều kiện kết hợp mà hình thành, nên luôn chịu sự chi phối của vô thường.

Vô ngã được khẳng định không có một bản ngã vĩnh cửu đứng ngoài quy luật duyên khởi. Khi thấy rõ mọi pháp đều do duyên sinh, thì tâm dần buông bỏ tăng thượng mạn, trở về với mục tiêu thiết thực của chính pháp là đoạn trừ tham, sân, si và tận diệt khổ đau.

Ví dụ trong kinh: Đạo sĩ Pāṭikaputta tự tuyên bố thách thức đức Phật về mặt thần thông, nhưng khi đức Phật đến khu vườn của ông, ảo tưởng về năng lực và vị thế của ông hoàn toàn sụp đổ, ông rơi vào trạng thái không định tỉnh, không

thể đứng dậy và bước ra để đối diện với đức Phật và chân lý của Ngài thuyết giảng.

Ứng dụng thực tế, trong một tổ chức, có người tự coi mình là nhân vật trung tâm của mọi quyết định cho tập thể và thách thức sự góp ý của mọi người. Khi tập thể vẫn vận hành bình thường mà không cần đến sự hiện diện của họ, ảo tưởng về vị thế bất biến hoàn toàn sụp đổ, đẩy họ vào sự hụt hẫng và khổ đau. Tuệ giác vô ngã vạch rõ rằng mọi thành công đều do nhiều duyên hòa hợp, không một cá nhân nào có thể tồn tại độc lập hay đứng trên tất cả.

Tóm lại, tuệ giác vô ngã chính là chiếc chìa khóa phá tan tâm lý tăng thượng mạn bằng cách chỉ ra rằng mọi sự tự tôn cực đoan của cái tôi đều chỉ là vọng tưởng cố chấp. Con đường giải thoát đích thực không nằm ở việc cố chấp khẳng định bản ngã, mà ở sự nhận diện sâu sắc tính duyên sinh và vô thường của mọi hiện tượng.

3. Ý nghĩa tổng quát

Về triết học: Kinh Ba-lê (DN24) khẳng định giáo lý vô ngã không dừng lại ở một hệ thống lý thuyết trừu tượng, mà là một chân lý thực tiễn tối hậu. Qua tiến trình phá chấp các lớp vỏ bọc từ thần thông, kiến giải khởi nguyên thế giới, ngã mạn cho đến tăng thượng mạn, mà bản chất không tự tính của mọi hiện tượng được hiển lộ đầy đủ, đập tan mọi hình thức bám chấp vào một cái tôi thường hằng hay một bản thể được xem là không biến đổi.

Về thực hành: Kinh văn mở ra một định hướng tu tập rõ ràng trên lộ trình giải thoát. Muốn đạt đến tuệ giác vô ngã, người học Phật phải nhận diện và chủ động buông bỏ các ràng buộc như sự tham đắm năng lực siêu nhiên, các kiến chấp sai lầm về thế giới, cho đến thái độ ngã mạn hơn thua và tư tưởng cố chấp cực đoan. Việc tháo gỡ các chướng ngại này là điều kiện tiên quyết để quay về với mục tiêu cốt lõi duy nhất là đoạn trừ tham, sân, si và tận diệt khổ đau.

Về lập luận: Bản kinh là một minh chứng điển hình cho phương pháp đối thoại và lập luận giáo hóa của đức Phật. Bằng cách vận dụng quy luật duyên khởi và vô ngã để soi chiếu vào từng hành vi và nhận thức cụ thể của các du sĩ như là Korakkhattiya, Kandaramasaka, Pāṭikaputta, đức Phật đã thiết lập một tiến trình lập luận sâu sắc, dẫn dắt người học đi từ vùng tối của chấp ngã đến với ánh sáng của trí tuệ vô ngã.

III. Kết luận

Thông qua toàn bộ nội dung Kinh Ba-lê (DN24), nghiên cứu cho thấy đức Phật không chiều theo những ảo tưởng của con người mà kiên quyết dùng chính pháp để phá chấp bốn loại chấp ngã: về thần thông, về kiến giải khởi nguyên thế giới, về ngã mạn và về tăng thượng mạn. Ngài khẳng định mọi hiện tượng đều do duyên sinh, vô thường, không có bất kỳ cái “tôi” nào cố định để bám víu.

Bên cạnh đó, bài kinh làm nổi bật phương pháp giáo hóa của đức Phật, khi Ngài chỉ ra rằng chính pháp hướng đến mục tiêu diệt khổ, còn thần thông, tri thức vũ trụ, sự so sánh hay tự tôn chỉ là những chướng ngại của bản ngã nếu bị bám chấp.

Sự thoái lui và hoảng sợ của các du sĩ trước đức Phật chính là bằng chứng thực tiễn cho thấy mọi hình thức chấp ngã cực đoan đều trống rỗng và tự tan rã trước ánh sáng duyên khởi.

Kinh Ba-lê để lại thông điệp triết học và thực hành sâu sắc là giá trị giải thoát chân thật không nằm ở việc sở hữu năng lực siêu nhiên hay kiến thức uyên bác, mà nằm ở tuệ giác soi chiếu tính vô ngã. Bài kinh nhắc nhở người học Phật cần liên tục buông bỏ mọi hình thức bám chấp vị kỷ trong đời sống hằng ngày, quay về mục tiêu cốt lõi là đoạn trừ tham, sân, si để đạt được sự an tịnh và tự tại đích thực.

Tác giả: **Thiện Thanh** [1]

Tài liệu tham khảo:

- 1] Thích Minh Châu (dịch) (2020), *Kinh Trường Bộ - Kinh Ba-lê*, Nxb. Hồng Đức.
- 2] Tỳ khưu Indacanda (2023), *Kinh Trường Bộ (tập II) - Kinh Ba-lê*, bản điện tử.
- 3] Dhammapiyo (dịch) (2024), *chú giải Kinh Trường Bộ*, bản điện tử.
- 4] Chân Nguyên (chủ biên) (2001), *Từ điển Phật học*, Bản điện tử.
- 5] Từ điển Phật học Việt Anh-Thiện Phúc, tra từ “chấp ngã”, bản điện tử online, truy cập ngày 06/08/2026. https://rongmotamhon.net/tu-dien_thuat-ngu_cqkdpdmsp_rong-mo-tam-hon.html#3.
- 6] Từ điển Phật học online, tra từ “Tăng thượng mạn”, truy cập ngày 06/08/2026, <https://phatgiaovietnam.org.vn/tu-dien-phat-hoc-online/tang-thuong-man-k2443.html>.

Chú thích:

[1] NCS.Trần Quốc Hưng, Học viện Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Chân Nguyên (chủ biên) (2001), *Từ điển Phật học*, Bản điện tử, Tr.542.

[3] Từ điển Phật học Việt Anh-Thiện Phúc, tra từ “chấp ngã”, bản điện tử online, truy cập ngày 06/08/2026. https://rongmotamhon.net/tu-dien_thuat-ngu_cqkdpdmsp_rong-mo-tam-hon.html#3

[4] Từ điển Phật học online, tra từ “Tăng thượng mạn”, truy cập ngày 06/08/2026, <https://phatgiao.org.vn/tu-dien-phat-hoc-online/tang-thuong-man-k2443.html>

[5] Thích Minh Châu (dịch) (2020), *Kinh Trường Bộ - Kinh Ba-lê*, Nxb. Hồng Đức, đoạn 4, tr. 426.

[6] Thích Minh Châu (dịch) (2020), *Kinh Trường Bộ - Kinh Ba-lê*, Nxb. Hồng Đức, đoạn 5, tr. 427.

[7] Thích Minh Châu (dịch) (2020), *Kinh Trường Bộ - Kinh Ba-lê*, Nxb. Hồng Đức, đoạn 7, tr. 428.

[8] Thích Minh Châu (dịch) (2020), *Kinh Trường Bộ - Kinh Ba-lê*, Nxb. Hồng Đức, đoạn 22, tr. 435.

(*) Chú thích: Từ “thời” trong đoạn trích mang nghĩa là “thì” (cấu trúc: *Nếu... thời...tương đương với Nếu... thì...*).